

Q.No.	Type	Section	Key	Marks
1	MCQ	GA	C	1
2	MCQ	GA	A	1
3	MCQ	GA	B	1
4	MCQ	GA	C	1
5	MCQ	GA	D	1
6	MCQ	GA	B	2
7	MCQ	GA	C	2
8	MCQ	GA	B	2
9	MCQ	GA	C	2
10	MCQ	GA	D	2
1	MCQ	CH	C	1
2	MCQ	CH	A	1
3	MCQ	CH	C	1
4	MCQ	CH	D	1
5	MCQ	CH	A	1
6	MCQ	CH	D	1
7	MCQ	CH	A	1
8	MCQ	CH	A	1
9	MCQ	CH	B	1
10	MCQ	CH	C	1
11	MCQ	CH	D	1
12	MCQ	CH	C	1
13	MCQ	CH	A	1

Q.No.	Type	Section	Key	Marks
14	MCQ	CH	C	1
15	MCQ	CH	B	1
16	MCQ	CH	D	1
17	MCQ	CH	D	1
18	MCQ	CH	B	1
19	MCQ	CH	A	1
20	MCQ	CH	B	1
21	MCQ	CH	D	1
22	NAT	CH	13.9 to 14.1	1
23	NAT	CH	0.19 to 0.21	1
24	NAT	CH	18.96 to 18.98	1
25	NAT	CH	0.009 to 0.011	1
26	MCQ	CH	D	2
27	MCQ	CH	A	2
28	MCQ	CH	B	2
29	MCQ	CH	C	2
30	MCQ	CH	A	2
31	MCQ	CH	B	2
32	MCQ	CH	C	2
33	MCQ	CH	B	2
34	NAT	CH	6.52 to 6.54	2
35	NAT	CH	0.24 to 0.26	2
36	NAT	CH	0.565 to 0.567	2

Q.No.	Type	Section	Key	Marks
37	NAT	CH	0.27 to 0.30	2
38	NAT	CH	0.9 to 1.1	2
39	NAT	CH	810 to 840	2
40	NAT	CH	17.5 to 18.5	2
41	NAT	CH	1990 to 2010	2
42	NAT	CH	900 to 905	2
43	NAT	CH	0.30 to 0.32	2
44	NAT	CH	799 to 801	2
45	NAT	CH	63 to 67	2
46	NAT	CH	850 to 860	2
47	NAT	CH	65 to 68	2
48	NAT	CH	131 to 138	2
49	NAT	CH	45.3 to 45.5	2
50	NAT	CH	7.9 to 8.1	2
51	NAT	CH	0.004 to 0.006	2
52	NAT	CH	1.6 to 1.8	2
53	NAT	CH	0.09 to 0.11	2
54	NAT	CH	8 to 8	2
55	NAT	CH	5 to 5	2